

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

HOÀNG XUÂN SƠN

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN  
Ở VIỆT NAM (1991 – 2021)

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học Sài Gòn

Tập thể người hướng dẫn:

1. GS. TS. Võ Văn Sen
2. TS. Phạm Phúc Vĩnh

Luận án đã được đánh giá trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường  
tại Trường Đại học Sài Gòn vào ngày 25/8/2023

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN TIẾN SĨ

- 1- Hoàng Xuân Sơn. (2020). “Quá trình chuyển biến của kinh tế tư nhân ở Việt Nam thời kỳ đổi mới – nhận thức và thực tiễn”, in trong *Hội thảo khoa học quốc gia “Nghiên cứu chủ trương, đường lối, cơ chế và chính sách phát triển kinh tế trong Dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII”*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, tr. 212 - 225; ISBN: 978-604-80-4709-2.
- 2- Hoang Xuan Son, Pham Phuc Vinh. (2020). “The transformation process of the private sector in Vietnam in the period of reform-awareness and reality”, *European Journal of Economic and Financial Research* (ISSN: 2501-9430), Volume 4, Issue 2.
- 3- Hoang Xuan Son, Phung The Anh, Nguyen Thi Quyet. (2020). “Private economy in green agriculture development in Vietnam”, in trong *International conference on Sustainable agriculture development in Vietnam - Experience of Asian countries*, Nxb Đại học Quốc TPHCM, tr. 124-134; ISBN: 978-604-73-7761-9.
- 4- Hoang Xuan Son. (2021). “Role of private enterprise in Vietnam's economy - Theoretical and practice”, in trong *International conference on Business and finance 2021*, Volum 2, Nxb Lao động, tr. 318-322. ISBN: 978-604-325-669-7.
- 5- Hoang Xuan Son, Pham Phuc Vinh. (2021). “Private economy - Indispensable motivation for economic development in Vietnam”, in trong *The 2nd International conference on science, technology and society studies (STS 2021)*, Science and Technis publishing house, pp. 642-654. ISBN: 978-604-2053-9.
- 6- Phạm Phúc Vĩnh, Hoàng Xuân Sơn. (2022). “Các nhân tố tác động và sự phát triển của kinh tế tư nhân ở Việt Nam (1991-2016)”, *Tạp chí điện tử Lý luận chính trị* (ISSN: 2525-2607).
- 7- Hoàng Xuân Sơn. (2022). “Quá trình chuyển biến của KTTN ở Việt Nam giai đoạn 2000 - 2015”, *Tạp chí Giáo chức Việt Nam* (ISSN: 1859-2902), tr. 13-17.
- 8- Hoang Xuan Son, Ho Thi Thanh Truc. (2022). “Development of non-state enterprises in Vietnam during the period from 2015 to 2021”, in trong *The 3rd International conference on science, technology and society studies (STS 2022)*, Nxb Giao thông vận tải, tr. 369-375. ISBN: 978-604-76-2568-0.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Sau khi Việt Nam hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, tiến lên xây dựng xã hội chủ nghĩa theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung theo mô hình của Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư nhân dần bị xóa bỏ. Trong 10 năm đầu sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, những sai lầm do tình trạng duy ý chí trong cải tạo công thương nghiệp tư bản, tư doanh và xây dựng kinh tế, tình trạng “ngăn sông, cấm chợ”, “bán như cho, mua như cướp”,... đã làm cho nền kinh tế Việt Nam phát triển chậm chạp và hệ quả là đất nước từng bước lâm vào khủng hoảng toàn diện. Trong bối cảnh cơ chế quản lý kinh tế tồn tại nhiều bất cập, đất nước đứng trước những thử thách nghiêm trọng, nhiều địa phương đã mạnh dạn “phá rào” cơ chế, để giúp sản xuất “bung ra”, tìm lối thoát khỏi khủng hoảng. Trước hiệu quả thực tế của các hiện tượng “phá rào” ở các địa phương, Trung ương đã cho thí điểm và chủ trương “cởi trói” từng bước về cơ chế quản lý để tìm tòi, thử nghiệm những giải pháp nhằm đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986) đã chính thức đề ra chủ trương đổi mới toàn diện đất nước, trước hết là đổi mới về tư duy và cơ chế quản lý kinh tế, Đại hội khẳng định: “cần có chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), tr. 67). Đường lối đổi mới của Đảng đã mở đường cho kinh tế tư nhân chính thức tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế. Cho đến nay, sau hơn 35 năm phát triển, kinh tế tư nhân đã trở thành một trong những thành phần kinh tế không thể thiếu của nền kinh tế quốc dân.

Qua hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đặc biệt là đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), tr. 737) và chủ trương: “hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế. Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế theo quy hoạch và quy định của pháp luật. Tạo điều kiện hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), tr. 813). Tại Đại hội Đảng lần thứ XIII (1/2021), Đảng tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò động lực của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường Việt Nam là “một động lực quan trọng” và tiếp tục chủ trương “hoàn thiện thể chế thúc đẩy kinh tế tư nhân, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường, cải thiện thu nhập, điều kiện làm việc của người

lao động và tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2021.a), tr. 129, tr. 134).

Với những chủ trương, chính sách đổi mới tích cực, đúng đắn của Đảng và Nhà nước, kinh tế tư nhân ở Việt Nam trong thời gian qua đã phát triển rộng khắp, cùng với những thành phần kinh tế khác, đã góp phần giải phóng lực lượng sản xuất, thúc đẩy phân công lao động xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, huy động các nguồn lực xã hội vào sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống của nhân dân, tăng thu ngân sách Nhà nước, thực hiện các chủ trương xã hội hóa y tế, văn hóa, giáo dục... góp phần ổn định kinh tế, xã hội của đất nước và góp phần từng bước hiện thực hóa mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Việc nghiên cứu về quá trình phát triển của kinh tế tư nhân ở Việt Nam trong thời kì đổi mới nói chung và từ khi Luật công ty, Luật doanh nghiệp tư nhân chính thức có hiệu lực (15/4/1991) đến nay (năm 2021) nói riêng để thấy được quá trình vươn lên và khẳng định vị trí, vai trò động lực quan trọng không thể thiếu của khu vực kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời qua đó làm rõ những đặc điểm, hạn chế, bài học thực tiễn trong quá trình phát triển của khu vực kinh tế này và những vấn đề đặt ra đối với cơ chế, chính sách là cần thiết, có ý nghĩa cả về mặt khoa học lẫn thực tiễn đối với quá trình xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Xuất phát từ tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn như trên, nghiên cứu sinh chọn chủ đề “Sự phát triển của kinh tế tư nhân ở Việt Nam (1991 – 2021)” làm đề tài nghiên cứu cho luận án tiến sĩ của mình.

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

### ***2.1. Mục tiêu nghiên cứu***

Trên cơ sở tổng hợp nguồn tư liệu một cách có hệ thống, luận án góp phần phục dựng lại bức tranh về quá trình phát triển của kinh tế tư nhân ở Việt Nam, trong giai đoạn từ 1991 đến 2021. Qua sự phát triển của kinh tế tư nhân góp phần minh chứng đường lối, chủ trương và chính sách pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước Việt Nam là cơ bản đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan và thực tiễn phát triển của đất nước.

Phân tích, đánh giá để làm rõ những nhân tố tác động và thực tiễn phát triển của kinh tế tư nhân ở Việt Nam từ 1991 đến 2021, thấy được những đóng góp của kinh tế tư nhân đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, rút ra được những đặc điểm, vai trò, hạn chế và những vấn đề đặt ra đối với cơ chế, chính sách của Việt Nam trong quá trình phát triển.

## **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục tiêu nêu trên, luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

*Thứ nhất*, hệ thống hóa nguồn tư liệu, góp phần khôi phục một cách khách quan, khoa học về sự phát triển của kinh tế tư nhân ở Việt Nam từ 1991 đến 2021.

*Thứ hai*, phân tích, đánh giá về bối cảnh thế giới, trong nước, chủ trương phát triển kinh tế tư nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình phát triển, khẳng định vị thế của kinh tế tư nhân ở Việt Nam từ 1991 đến 2021.

*Thứ ba*, rút ra những đặc điểm, vai trò, hạn chế của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế Việt Nam và một số vấn đề đặt ra đối với cơ chế, chính sách của Việt Nam trong phát triển kinh tế tư nhân.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam trong giai đoạn 1991 – 2021.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Về nội dung nghiên cứu: luận án giới hạn phạm vi nội dung nghiên cứu chủ yếu là quá trình phát triển của kinh tế tư nhân ở Việt Nam. Luận án tiếp cận về kinh tế tư nhân Việt Nam dựa trên quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam: “Kinh tế tư nhân bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân, hoạt động dưới hình thức hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), tr. 55).

Về không gian nghiên cứu: nội dung nghiên cứu của luận án tập trung chủ yếu trong phạm vi lãnh thổ ở Việt Nam.

Về thời gian nghiên cứu: luận án nghiên cứu chủ yếu trong giai đoạn từ năm 1991 đến năm 2021. Tuy nhiên, để xem xét vấn đề có tính lịch sử và hệ thống, luận án có mở rộng thời gian khảo sát vấn đề nghiên cứu trước năm 1991, đặc biệt là sự phát triển và những thành tựu của kinh tế tư nhân trong giai đoạn 1986 - 1990.

## **4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu**

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong quá trình nghiên cứu, nghiên cứu sinh sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành của khoa học lịch sử với sự kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp logic, phương pháp sử liệu học, phương pháp sử dụng tài liệu thứ cấp để xác định, chọn lựa những sử liệu có độ tin cậy và giá trị cao, phù hợp với đề tài nghiên cứu nhằm phục dựng lại bức tranh phát triển của kinh tế tư nhân từ năm 1991 đến năm 2021 trong bối cảnh đổi mới của Việt Nam, từ đó rút ra những đặc điểm, tính chất, quy luật và bài học kinh

nghiệm lịch sử.

Do là đề tài liên quan đến lĩnh vực kinh tế, nên nghiên cứu sinh còn sử dụng những phương pháp khác như: thống kê mô tả, so sánh, phân tích tổng hợp để liên hệ thực tế làm nổi bật những đóng góp, vai trò, vị trí và sự chuyển biến của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế Việt Nam, đồng thời chỉ ra mối quan hệ hai chiều giữa chủ trương, chính sách với thực tiễn phát triển của kinh tế tư nhân trong giai đoạn 1991 - 2021.

Luận án chủ yếu sử dụng nguồn tư liệu gốc, bao gồm: Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam; Chính sách, pháp luật của Nhà nước; Niên giám thống kê, Sổ liệu thống kê và Sổ liệu Điều tra doanh nghiệp do Tổng cục Thống kê phát hành; Sổ liệu từ Sách trắng doanh nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư phát hành.

## **5. Đóng góp của luận án**

Trên cơ sở phục dựng quá trình phát triển của KTTN ở Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021, luận án phân tích sự tồn tại tất yếu và vai trò động lực quan trọng của KTTN đối với nền kinh tế. Phân tích mối quan hệ hai chiều giữa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với sự phát triển của khu vực KTTN dưới góc độ lịch sử dân tộc.

Luận án đã phân tích và rút ra được những đặc điểm, vị trí, vai trò và một số vấn đề đặt ra đối với cơ chế, chính sách từ quá trình phát triển của KTTN trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần chứng minh đường lối, chủ trương và chính sách pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước Việt Nam là phù hợp với quy luật khách quan và thực tiễn phát triển của đất nước.

Luận án là tài liệu tham khảo về lịch sử phát triển của khu vực KTTN ở Việt Nam trong giai đoạn 1991 – 2021. Ngoài ra, luận án còn có thể dùng làm tư liệu tham khảo cho những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy những vấn đề có liên quan đến lịch sử, lịch sử kinh tế ở Việt Nam, đặc biệt là KTTN.

## **6. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án có kết cấu gồm 4 chương.

### **CHƯƠNG 1**

#### **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ VẤN ĐỀ KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM**

Kinh tế tư nhân và phát triển KTTN là tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường, dù là kinh tế thị trường sơ khai, đang phát triển hay đã phát triển. Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, phát triển KTTN cũng là tất yếu và có tính quy luật. Bên cạnh việc khẳng định vị trí, vai trò động lực của KTTN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

trong giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi nền kinh tế, vấn đề quan trọng hơn là xác lập vị trí, vai trò động lực đó một cách đúng đắn, hợp lý, đồng thời có giải pháp để KTTN phát huy cao độ những ưu điểm, hạn chế, khắc phục những nhược điểm cố hữu, phục vụ đắc lực nhất cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong những giai đoạn tiếp theo nhằm sớm hiện thực hóa mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Vấn đề phát triển KTTN còn cấp thiết hơn trong bối cảnh Việt Nam đang tích cực, chủ động đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với việc tích cực tham gia các Hiệp định thương mại thế hệ mới trong những năm gần đây để sớm hiện thực hóa mục tiêu “phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). tr. 76) và “phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2021.a), tr. 112). Vì vậy, trong thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước (tháng 12 năm 1986) đến nay, đặc biệt là trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI, liên quan đến vấn đề phát triển KTTN ở Việt Nam, đã có nhiều đề tài các cấp, các công trình nghiên cứu, luận văn, luận án, bài báo khoa học được công bố ở trong nước và ngoài nước đi vào tìm hiểu, phân tích, đánh giá nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển, sự tồn tại tất yếu khách quan cũng như vị trí, vai trò động lực của khu vực kinh tế này đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam.

### **1.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến đề tài**

Các công trình nghiên cứu về KTTN trên thế giới cho đến nay khá nhiều, tuy nhiên, nghiên cứu về KTTN trong nền kinh tế chuyển đổi với bối cảnh của một quốc gia đang xây dựng CNXH chỉ mới được quan tâm ở mức độ thấp. Những công trình nghiên cứu của các tác giả tiêu biểu có:

Dixon, C., and A. Kilgour (2002), *State, Capital and Resistance to Globalisation in the Vietnamese Transitional Economy (Nhà nước, vốn và lực cản toàn cầu hóa trong nền kinh tế chuyển đổi của Việt Nam)*; Thomas Heberer (2003), “Private entrepreneurs in China and Vietnam: social and political functioning of strategic groups” (*Doanh nhân tư nhân Trung Quốc và Việt Nam: Chức năng xã hội và chính trị*); Stewart W. Herman (2004), *Forming Social Capital from the Bottom Up: The Emergent Private Sector in Vietnam, 1986–2002 (Hình thành vốn xã hội từ dưới lên: Khu vực tư nhân mới nổi ở Việt Nam, 1986–2002)*; Asian Development Bank (2005), *Private sector assessment in Vietnam (Đánh giá khu vực tư nhân Việt Nam)*; Schaumburg-Müller Henrik (2005), “Private-sector development in a transition economy: The case of Vietnam” (*Phát triển khu vực tư nhân trong nền kinh tế chuyển đổi: Trường hợp của Việt Nam*); Schaumburg-Müller Henrik (2005), “Private-sector development in a transition economy: The case of Vietnam” (*Phát triển khu vực tư nhân trong nền kinh tế chuyển đổi: Trường*

*hợp của Việt Nam*); Katariina Hakkala, and Ari Kokko (2007), *The State and The Private Sector in Vietnam (Nhà nước và khu vực tư nhân ở Việt Nam)*; Beeson, M., and H.H. Pham (2012), “Developmentalism with Vietnamese Characteristics: The Persistence of State-Led Development in East Asia” (*Chủ nghĩa phát triển với những đặc điểm của Việt Nam: Sự bền vững của sự phát triển do Nhà nước chỉ đạo ở Đông Á*); Kongphet Phetsavong và Masaru Ichihashi (2012), “The Impact of Public and Private Investment on Economic Growth: Evidence from Developing Asian Countries” (*Tác động của đầu tư công và tư nhân đối với tăng trưởng kinh tế: Bằng chứng từ các nước đang phát triển Châu Á*); Clément Imbert (2013), “Decomposing the Labor Market Earnings Inequality: The Public and Private Sectors in Vietnam, 1993–2006” (*Phân tích sự bất bình đẳng về thu nhập trên thị trường lao động: Khu vực công và tư nhân ở Việt Nam, 1993–2006*); Christian Reiner và Cornelia Staritz (2013), “Private sector development and industrial policy: Why, how and for whom?” (*Phát triển khu vực tư nhân và chính sách công nghiệp: Tại sao, như thế nào và cho ai?*); Malesky, E., and J. London (2014), “The Political Economy of Development in China and Vietnam” (*Nền kinh tế chính trị của sự phát triển ở Trung Quốc và Việt Nam*); World Bank (2017), “The Role of the State in Vietnam’s Economic Development: Enhancing the Role of the State in Facilitating a More Competitive and Productive Economy” (*Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế của Việt Nam: Nâng cao vai trò của Nhà nước trong việc tạo điều kiện cho nền kinh tế năng suất và cạnh tranh hơn*); World Bank (2021), “Country private sector diagnostic: Creating markets in Vietnam” (*Nghiên cứu đánh giá khu vực tư nhân: Kiến tạo thị trường tại Việt Nam*).

## **1.2. Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam liên quan đến đề tài**

Nghiên cứu về KTTN ở trong nước càng trở nên hấp dẫn các các tổ chức, các nhà nghiên cứu ở Việt Nam. Vấn đề KTTN Việt Nam được nghiên cứu ở trong nước thường được tiếp cận dưới ba góc nhìn cơ bản: góc độ kinh tế học; góc độ chủ trương, chính sách; và góc độ lịch sử.

### **1.2.1. Những kết quả nghiên cứu được tiếp cận từ góc độ kinh tế học**

Thứ nhất, những công trình nghiên cứu về quá trình hình thành và phát triển của KTTN đề đi đến khẳng định sự tồn tại tất yếu khách quan của khu vực kinh tế này trong nền kinh tế thị trường nói chung và nền kinh tế thị trường định hướng XHCN nói riêng, tiêu biểu là những công trình nghiên cứu của nhóm tác giả: Nguyễn Thanh Tuyền và cộng sự (2006), *Sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*; Nguyễn Kế Tuấn và cộng sự (2010), *Vấn đề sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*; Lương Minh Cừ và Vũ Văn Thu (2011), *Sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay: Một*

*số nhận thức về lý luận và thực tiễn.*

*Thứ hai, những công trình nghiên cứu về thực trạng phát triển của KTTN ở Việt Nam từ khi Luật doanh nghiệp chính thức có hiệu lực (năm 2000), và từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam là mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN (2001), tiêu biểu là những công trình nghiên cứu của các tác giả: Lê Khắc Triết (2005), *Đổi mới và phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam thực trạng và giải pháp*; Đinh Thị Thơm (2005), *Kinh tế tư nhân Việt Nam sau hai thập kỷ đổi mới, thực trạng và những vấn đề*; Chu Tiến Quang và Lưu Đức Khải (2010), *Kinh tế hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam, thực trạng và giải pháp phát triển*.*

*Thứ ba, những công trình nghiên cứu về vị trí, vai trò của KTTN trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và khẳng định vai trò “động lực quan trọng nhất” của khu vực kinh tế này trong nền kinh tế thị trường của Việt Nam. Tiêu biểu là: Công trình nghiên cứu “Khu vực kinh tế tư nhân - động lực phát triển kinh tế mạnh mẽ của Việt Nam” của Trần Đình Thiên và cộng sự; Công trình nghiên cứu “Kinh tế tư nhân và vai trò động lực tăng trưởng” của Vũ Hùng Cường; Công trình nghiên cứu về “Kinh tế tư nhân – Một động lực cơ bản cho phát triển” của Vũ Hùng Cường và cộng sự, năm 2016; Công trình nghiên cứu “Việt Nam 2035: Hướng tới Thịnh vượng, Sáng tạo, Công bằng và Dân chủ” của Ngân hàng Thế giới - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Kỳ yếu Hội thảo “Chính sách tài chính đối với phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam”.*

*Thứ tư, những công trình nghiên cứu về xu hướng phát triển tất yếu của KTTN trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Tiêu biểu: Công trình nghiên cứu “Về việc phát triển khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay” của Trần Thị Hạnh; Công trình nghiên cứu “Sự phát triển của kinh tế tư nhân trong quá trình chuyển nền kinh tế Việt Nam sang nền kinh tế thị trường” của Đào Thị Phương Liên; Công trình nghiên cứu “Phát triển kinh tế tư nhân định hướng xã hội chủ nghĩa” của Trần Ngọc Bút (2002); Công trình nghiên cứu “Xu hướng phát triển của kinh tế tư nhân ở nước ta hiện nay” của Lương Đình Hải; Công trình nghiên cứu “Xu hướng phát triển kinh tế nông hộ lên sản xuất lớn trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam” của Đặng Thị Thu Hiền.*

*Thứ năm, những công trình nghiên cứu về KTTN trong một số lĩnh vực kinh tế cụ thể hoặc một số địa phương tiêu biểu trong phát triển kinh tế của đất nước, tiêu biểu: Công trình nghiên cứu “Giải pháp huy động vốn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Vốn nước ngoài đối với phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam” của Vũ Thị Bạch Tuyết và cộng sự; Công trình nghiên cứu “Các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế” của*

Lê Xuân Bá và cộng sự; Công trình nghiên cứu “*Phát triển kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tác động của nó đến củng cố quốc phòng ở nước ta hiện nay*” của Phạm Văn Sơn; Công trình nghiên cứu “*Xu hướng phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế*” của Nguyễn Văn Sáng; Công trình nghiên cứu “*Phát triển kinh tế tư nhân trong lĩnh vực thương mại ở nước ta hiện nay*” của Hà Văn Tuấn; Công trình nghiên cứu “*Vai trò động lực của kinh tế tư nhân trong sự phát triển kinh tế - xã hội ở Nghệ An hiện nay*” của Trần Thị Bình.

### **1.2.2. Những kết quả nghiên cứu được tiếp cận từ góc độ chủ trương, chính sách**

*Nhóm thứ nhất*, những công trình nghiên cứu KTTN từ góc độ quản lý chung của Đảng và Nhà nước Việt Nam, tiêu biểu là những công trình nghiên cứu: Công trình nghiên cứu “*Đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp công nghiệp tư nhân ở Việt Nam*” của Trần Kim Hào; Công trình nghiên cứu “*Quản lý nhà nước đối với kinh tế tư nhân ở nước ta hiện nay*” của Nguyễn Hữu Thắng; Công trình nghiên cứu “*Đổi mới và hoàn thiện quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với các loại hình doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay*” của Nguyễn Thanh Hoá; Công trình nghiên cứu “*Kinh tế tư nhân và quản lý Nhà nước đối với kinh tế tư nhân ở nước ta hiện nay*” của Hồ Văn Vĩnh.

*Nhóm thứ hai*, những công trình nghiên cứu về sự đóng góp của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, trong đó khẳng định vị trí, vai trò và sự tồn tại tất yếu của KTTN trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Những công trình nghiên cứu tiêu biểu có thể kể đến: Công trình nghiên cứu “*Thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân - lý luận và chính sách*” của Hà Huy Thành và cộng sự; Công trình nghiên cứu “*Đổi mới doanh nghiệp nhà nước và phát triển kinh tế tư nhân trong giai đoạn hiện nay*” của Ban Kinh tế Trung ương; Công trình nghiên cứu “*Các thành phần kinh tế Việt Nam: Vấn đề và định hướng chính sách*” của Trần Đình Thiên và cộng sự.

*Nhóm thứ ba*, những công trình nghiên cứu KTTN ở các địa phương tiêu biểu, phát triển mạnh kinh tế của Việt Nam. Tiêu biểu đối với nhóm công trình nghiên cứu theo hướng này là: Lê Du Phong và cộng sự về “*Kinh tế - xã hội - nhân văn trong phát triển kinh tế tư nhân ở Hà Nội*”; Các công trình nghiên cứu được công bố tại Hội thảo Quốc gia do Trường Đại học Hải Phòng tổ chức năm 2019 với chủ đề “*Phát triển kinh tế tư nhân ở Hải Phòng: Vấn đề lý luận và thực tiễn*”.

*Nhóm thứ tư*, những công trình nghiên cứu KTTN qua việc nghiên cứu các quy định trong các bộ luật của Việt Nam có liên quan đến KTTN. Tiêu

biểu cho nhóm nghiên cứu này là các công trình: Công trình nghiên cứu “*Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay*” của Ninh Thị Minh Tâm và cộng sự; Công trình nghiên cứu “*Xây dựng môi trường pháp lý bảo đảm sự phát triển bền vững và lành mạnh của kinh tế tư nhân*” của Nguyễn Thị Quế Anh và cộng sự.

### ***1.2.3. Những kết quả nghiên cứu được tiếp cận từ góc độ lịch sử***

Các công trình nghiên cứu KTTN ở Việt Nam dưới góc nhìn sử học từ khi đổi mới toàn diện đất nước (12/1986) đến nay (năm 2021), nhìn chung chưa thật sự phong phú như những công trình nghiên cứu về KTTN dưới góc độ kinh tế học và góc độ chủ trương, chính sách.

Công trình nghiên cứu “*Kinh tế tư nhân ở Việt Nam từ 1986 – 1995*” của Hồ Sỹ Lộc; Công trình nghiên cứu “*Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát triển kinh tế tư nhân từ năm 1986 đến năm 2005*” của Phạm Thị Lương Diệu; Công trình nghiên cứu “*Thành phần kinh tế tư nhân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” của Nguyễn Thanh Tuyền và cộng sự; Công trình nghiên cứu “*Sự vận động, phát triển của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta*” của Mai Tết và cộng sự; Công trình nghiên cứu “*Kinh tế tư nhân Việt Nam trong tiến trình hội nhập*” của Trịnh Thị Hoa Mai.

### **1.3. Nhận xét chung và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu**

Các công trình nghiên cứu hiện tại đã tiếp cận về KTTN ở Việt Nam từ sau năm 1986 đến nay với nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, việc tiếp cận vấn đề này dưới góc độ lịch sử dân tộc vẫn còn những khoảng trống nhất định, cụ thể:

Thứ nhất, nghiên cứu quá trình phát triển của KTTN một cách toàn diện, đặt dưới sự tác động của tất cả các nhân tố: chủ trương, chính sách và bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trong và ngoài nước.

Thứ hai, phân tích, luận giải về quá trình vận động, phát triển, khẳng định sự tồn tại, vai trò, vị trí của KTTN như một tất yếu lịch sử trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN của Việt Nam.

Thứ ba, tiếp tục nghiên cứu để bổ sung, cập nhật và hệ thống hóa nguồn tư liệu về lịch sử phát triển của KTTN ở Việt Nam từ năm 1986 đến 2021.

Trên cơ sở đánh giá chung về tình hình nghiên cứu, luận án đã tham khảo và kế thừa một cách khoa học những công trình đi trước để tập trung làm rõ những vấn đề cơ bản sau đây:

*Một là*, phân tích mối quan hệ hai chiều giữa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và sự phát triển của KTTN để thấy được sự phát triển của KTTN là tất yếu khách quan, đồng thời KTTN phát triển đã có những đóng góp không nhỏ cho sự phát triển kinh tế, ổn định tình hình chính trị, xã hội của đất nước; *Hai là*, rút ra những đặc điểm, vị trí, vai trò và những vấn đề đặt ra

đổi với cơ chế chính sách từ quá trình phát triển của KTTN; *Ba là*, góp phần minh chứng đường lối, chủ trương và chính sách, pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước Việt Nam cơ bản là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan và thực tiễn phát triển của đất nước.

## **CHƯƠNG 2**

### **QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 1991 – 2005**

#### **2.1. Bối cảnh phát triển của kinh tế tư nhân**

##### ***2.1.1. Bối cảnh quốc tế và tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam***

Bối cảnh quốc tế, từ giữa thập niên 90 của thế kỷ XX, toàn cầu hóa kinh tế diễn ra mạnh mẽ, là xu thế khách quan, lôi cuốn các nước, bao trùm hầu hết các lĩnh vực, vừa thúc đẩy hợp tác, vừa tăng sức ép cạnh tranh và tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế.

Ở trong nước, những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trước hết là chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, tiếp tục diễn ra dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sang nửa đầu thập niên thứ nhất của thế kỷ XXI, ở trong nước, trình độ khoa học, công nghệ, năng suất lao động vẫn chưa được cải thiện nhiều; giá thành nhiều sản phẩm được sản xuất vẫn còn cao so với khu vực và thế giới. Quá trình sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước, nhất là quá trình cổ phần hóa, còn nhiều vướng mắc chậm được giải quyết. Bên cạnh khó khăn, kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 1991 – 2005 cũng có những thuận lợi cơ bản.

Như vậy trong giai đoạn 1991 - 2005, với công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trước hết là chuyển đổi nền kinh tế, đồng thời tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, đã bước đầu thu được những thành tựu cơ bản và có ý nghĩa nhiều mặt về kinh tế, xã hội đối với Việt Nam mà trước tiên đã giúp đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Tuy vậy, trong giai đoạn này cũng bộc lộ không ít những hạn chế và yếu kém. Tình hình kinh tế, xã hội nêu trên đã có những tác động không nhỏ đến sự phát triển của khu vực KTTN ở Việt Nam trong giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi nền kinh tế.

##### ***2.1.2. Chủ trương, đường lối phát triển kinh tế tư nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam***

Là bộ phận cấu thành quan trọng không thể thiếu của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, sự phát triển của KTTN ở Việt Nam cũng chịu tác động mạnh mẽ từ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Với quá trình đổi mới tư duy, từng bước phát triển khu vực KTTN trong

nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần bằng việc ban hành một loạt chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, tạo điều kiện cho khu vực KTTN phát triển. Từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI (12/1986), KTTN ở Việt Nam đã không còn bị xóa bỏ, cấm cản mà dần được tự do sản xuất, kinh doanh trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN. Những nhân tố này đã góp phần giúp khu vực KTTN ở Việt Nam từng bước đạt được những thành tựu nhất định.

Mặc dù có chủ trương, đường lối đổi mới toàn diện từ Đại hội Đảng lần thứ VI, nhưng KTTN với nòng cốt là kinh tế tư bản tư nhân (doanh nghiệp tư nhân) chỉ thực sự được thừa nhận và tham gia vào nền kinh tế Việt Nam sau khi Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân chính thức được Quốc hội Việt Nam thông qua vào tháng 12 năm 1990 (có hiệu lực từ 15/4/1991). Những văn bản pháp luật này đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho các loại hình doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN quy mô lớn được thành lập và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây là những văn bản pháp luật quan trọng đầu tiên chính thức thừa nhận sự tồn tại khách quan của KTTN trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

Trong giai đoạn 1991 - 2005, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đã có tác động không nhỏ đến sự chuyển biến của KTTN, tạo nên “làn sóng” thành lập mới doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước trong thời gian đầu của quá trình chuyển đổi nền kinh tế, giúp Việt Nam đạt được những thành tựu quan trọng bước đầu trong đổi mới toàn diện đất nước, đặc biệt là nhanh chóng đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội và từng bước ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển để từng bước gia nhập vào hàng ngũ những quốc gia đang phát triển có thu nhập trung bình.

### **2.1.3. Kinh tế tư nhân ở Việt Nam sau 5 năm đầu đổi mới (1986 - 1991)**

Tại Đại hội Đảng lần thứ VI (12/1986), Đảng chủ trương đổi mới toàn diện đất nước. Đối với đổi mới kinh tế, Đảng chủ trương chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Trên cơ sở đó, từng bước nhận thức lại khu vực KTTN trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, tạo điều kiện cho KTTN phát triển. Đối với KTTN, trên tinh thần đổi mới toàn diện, Đại hội VI của Đảng khẳng định, cho phép KTTN tồn tại trong thời kỳ quá độ lên CNXH, từ đó, KTTN có cơ hội tái lập, phục hồi để chuẩn bị cho sự phát triển sau này. Về mặt chính trị, Đại hội VI coi KTTN là một hướng phát triển chiến lược, bộ phận hợp thành của kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo cùng với kinh tế tập thể, từng bước đóng vai trò nền tảng. Đây là bước “mở” ban đầu, từ chỗ mở về tư duy, rồi mở dần về cơ chế cho KTTN tồn tại và phát triển, song ở những năm đầu của quá trình chuyển đổi nền kinh tế, chính sách đối với

KTTN chưa thực sự rõ nét. Bởi về mặt pháp lý, Hiến pháp năm 1980 chưa thừa nhận vai trò của KTTN và do chưa có Hiệp pháp mới, nên ở giai đoạn này, KTTN mới chỉ được phép tồn tại và ghi nhận bởi những đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước.

Có thể nói, dù còn ít, song những khai phá diễn ra trong từng lĩnh vực, ở từng địa phương, qua từng đường lối, chủ trương của Đảng và từng chính sách, pháp luật của Nhà nước trong những năm đầu chuyển đổi nền kinh tế là “những ngọn gió lạnh” xua bớt những bức bối trong môi trường kinh doanh, làm lung lay dần những “hàng rào” cứng nhắc của tư duy và cơ chế kinh tế cũ, tạo không gian để thở hơn cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước, để rồi những thành công trong các doanh nghiệp và trong một số lĩnh vực đến lượt nó lại trở thành động lực thúc đẩy sự thay đổi trong những chặng tiếp theo của quá trình chuyển đổi nền kinh tế ở Việt Nam.

## **2.2. Những chuyển biến của kinh tế tư nhân trong giai đoạn 1991 – 2005**

### **2.2.1. Chuyển biến bước đầu của kinh tế tư nhân trong những năm 1991 – 2000**

#### **2.2.1.1. Kinh tế tư nhân trong quá trình vận hành cơ chế mới**

Thực hiện chủ trương, đường lối phát triển KTTN của Đảng, trong giai đoạn 1991 – 2000, Nhà nước đã có những chính sách khuyến khích khu vực KTTN phát triển: Chính sách đầu tư; Chính sách thuế; Chính sách đất đai; Chính sách vốn, tín dụng; Chính sách thương mại; Chính sách lao động và đào tạo nguồn nhân lực; Chính sách khoa học – công nghệ.

#### **2.2.1.2. Thành tựu bước đầu của kinh tế tư nhân (1991 – 2000)**

Từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI (12/1986), nhất là từ khi Luật doanh nghiệp tư nhân và Luật công ty chính thức có hiệu lực (ngày 15/4/1991), cùng nhiều Chỉ thị, Nghị quyết, chính sách khuyến khích khác của Đảng và Nhà nước Việt Nam, KTTN đã có bước ngoặt trong sự hồi sinh và phát triển.

Thứ nhất, sự phát triển vượt bậc về số lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Nếu như năm 1991 số lượng các doanh nghiệp ngoài nhà nước mới chỉ là 414 doanh nghiệp; năm 1992 đã tăng lên 5.198 doanh nghiệp, tăng 1.155% so với năm 1991; năm 2000 là 31.950 doanh nghiệp, gấp hơn 77 lần so với năm 1991 (Hà Huy Thành (2002) và Tổng cục Thống kê).

Thứ hai, số lượng lao động trong khu vực kinh tế ngoài nhà nước trong giai đoạn này cũng tăng khá nhanh. Nếu như năm 1991 số lượng lao động của khu vực kinh tế ngoài nhà nước là 26,998.9 nghìn người; năm 1995 đã tăng lên 29,977.5 nghìn người; năm 2000 lên tới 32,717.1 nghìn người. Bình quân mỗi năm trong giai đoạn này, khu vực kinh tế ngoài nhà nước đã giải quyết được 30.181,1 nghìn việc làm, tức là gấp gần 10 lần so với số việc làm được giải quyết bởi khu vực kinh tế nhà nước (3.263,2 nghìn việc làm) (Tổng cục Thống kê).

Thứ ba, kể từ khi Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân có hiệu lực (15/4/1991), đóng góp của khu vực kinh tế ngoài nhà nước vào tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) cũng có xu hướng tăng. Nếu như năm 1991 đóng góp vào GDP của khu vực kinh tế ngoài nhà nước chỉ mới là 52.871 tỷ đồng; năm 1995 đã tăng lên 122.487 tỷ đồng; năm 2000 đã tăng lên tới 212.879 tỷ đồng, tăng gấp 4 lần so với năm 1991 (Tổng cục Thống kê).

Thứ tư, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của khu vực kinh tế ngoài nhà nước trong giai đoạn 1991 – 2000, cũng có sự tăng trưởng đáng kể. Nếu như năm 1991 vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của khu vực kinh tế ngoài nhà nước mới chỉ là 5.155 tỷ đồng; năm 1995 đã tăng lên là 20.000 tỷ đồng; năm 2000 lên tới 34.594 tỷ đồng, tăng gần 7 lần so với năm 1991 (Tổng cục Thống kê).

## **2.2.2. Quá trình vươn lên của kinh tế tư nhân trong những năm đầu thế kỷ XXI (2001 – 2005)**

### **2.2.2.1. Chính sách đối với kinh tế tư nhân trong những năm 2001 – 2005**

Trong giai đoạn này, chính sách của Nhà nước đã có tác động mạnh mẽ nhất đến sự phát triển của khu vực KTTN là Luật doanh nghiệp năm 1999, có hiệu lực từ ngày 01/1/2000. Sau khi Luật doanh nghiệp năm 1999 có hiệu lực, đã có hàng loạt các văn bản hướng dẫn thi hành được bổ sung, sửa đổi: Chỉ thị 17/2002/CT-TTg; Nghị định 37/2003/NĐ-CP; Quyết định số 990/QĐ-TTg.

Ngoài Luật doanh nghiệp, trong giai đoạn này, để tiếp tục đẩy mạnh phát triển khu vực KTTN, Nhà nước đã có những điều chỉnh mạnh mẽ về chính sách, pháp luật với mục tiêu tiếp tục tạo môi trường thuận lợi, bình đẳng để hỗ trợ cho khu vực KTTN phát triển mạnh mẽ: Chính sách đất đai và quy hoạch; Chính sách thuế; Chính sách tín dụng cho KTTN; Chính sách lao động và đào tạo nguồn nhân lực; Chính sách khoa học – công nghệ; Chính sách hỗ trợ về xúc tiến thương mại; Chính sách hỗ trợ thông tin.

### **2.2.2.2. Những thành tựu của kinh tế tư nhân trong năm năm (2001 – 2005)**

*Thứ nhất*, sự tăng trưởng mạnh mẽ của hệ thống doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước từ 2001 đến 2005. Ngoài ra, đến năm 2005, cả nước còn có 3.053.011 cơ sở kinh tế phi nông nghiệp (Tổng cục Thống kê). Như vậy, đến năm 2005, cả nước có 3.158.168 cơ sở kinh tế ngoài nhà nước.

*Thứ hai*, doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng trưởng mạnh mẽ nhất ở khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng. Một mặt, doanh nghiệp tăng trưởng không đồng đều giữa các vùng kinh tế, mặt khác, ngay trong các vùng kinh tế này cũng có sự tăng trưởng không đồng đều của các doanh nghiệp giữa các địa phương và sự tăng trưởng không đồng đều này có xu hướng tăng theo thời gian, khi số doanh nghiệp tập trung chủ yếu tại hai thành phố lớn, hai trung tâm kinh tế, chính trị của cả nước là Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

*Thứ ba*, các doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước trong giai đoạn này tăng trưởng mạnh mẽ nhất trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng gia đình; lĩnh vực công nghiệp chế biến đứng thứ hai; thứ ba là lĩnh vực xây dựng; trong khi phát triển yếu nhất trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ. Sở dĩ các loại hình kinh tế tư nhân tập trung chủ yếu vào lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng gia đình bởi đó là các ngành, lĩnh vực có thị trường lớn, đòi hỏi vốn đầu tư không nhiều, thu hồi vốn nhanh nên phù hợp với nguồn vốn còn hạn hẹp của phần đông các chủ doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN, khả năng quay vòng vốn nhanh, hạn chế được rủi ro...

*Thứ tư*, quy mô về vốn và quy mô về lao động của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước có xu hướng tăng trưởng nhanh theo thời gian. Tuy vậy, khu vực kinh tế ngoài nhà nước chủ yếu vẫn là những doanh nghiệp có quy mô vốn nhỏ, còn thiếu các doanh nghiệp có quy mô vốn vừa để tạo mạng liên kết, thiếu các doanh nghiệp có quy mô vốn lớn, có đủ tiềm lực tài chính để đầu tư sản xuất kinh doanh quy mô lớn, có điều kiện áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại để dẫn dắt nền kinh tế phát triển. Về quy mô lao động, số doanh nghiệp có quy mô từ 200 lao động trở lên luôn chiếm tỷ lệ rất thấp, chỉ dưới 3% số doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước và tình trạng này thậm chí ngày càng giảm xuống.

### **2.3. Đóng góp của kinh tế tư nhân đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia trong giai đoạn 1991 – 2005**

#### **2.3.1. Đóng góp đối với sự phát triển kinh tế**

*- Kinh tế tư nhân góp phần tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa và nộp ngân sách Nhà nước.*

Với tốc độ tăng trưởng nhanh về số lượng doanh nghiệp và cơ sở kinh tế phi nông nghiệp thuộc khu vực kinh tế ngoài nhà nước, khu vực kinh tế ngoài nhà nước trong giai đoạn 1991 – 2005 đã có những đóng góp ngày càng quan trọng vào tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) của nền kinh tế, giúp mở rộng quy mô nền kinh tế quốc gia. Ngoài ra, trong giai đoạn 1991 – 2005, KTTN phát triển đã tạo thêm nguồn thu không nhỏ cho ngân sách Nhà nước.

*- Kinh tế tư nhân góp phần tăng cường huy động nguồn vốn cho quá trình sản xuất, kinh doanh.*

Với những chuyển biến tích cực bước đầu về kết quả sản xuất, kinh doanh của khu vực KTTN trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế đã tạo điều kiện cho khu vực KTTN tiếp tục gia tăng nguồn vốn vào quá trình sản xuất, kinh doanh. Mặt khác, số lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước ngày càng tăng nhanh cũng đã góp phần rất lớn trong việc thu hút một lượng vốn không nhỏ trong dân để đưa vào quá trình sản xuất, kinh doanh của khu vực KTTN.

### **2.3.2. Đóng góp đối với sự phát triển xã hội**

Không chỉ đóng góp lớn vào tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, huy động vốn vào quá trình sản xuất, kinh doanh, KTTN ở Việt Nam phát triển còn góp phần giải quyết tốt nhiều vấn đề xã hội đặt ra trong giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi nền kinh tế, đặc biệt là giải quyết vấn đề lao động và việc làm cho người dân trong độ tuổi lao động của một quốc gia đang trong thời kỳ dân số vàng và những lao động trong khu vực nhà nước phải nghỉ việc do quá trình cổ phần hóa, tái cấu trúc, giải thể các doanh nghiệp nhà nước theo yêu cầu của thị trường.

## **CHƯƠNG 3**

### **QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 2006 – 2021**

#### **3.1. Bối cảnh phát triển của kinh tế tư nhân trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI**

##### **3.1.1. Bối cảnh quốc tế và quá trình hội nhập của Việt Nam**

Trong giai đoạn 2006 – 2021, do Việt Nam đã hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu nên tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam đã chịu những tác động rất lớn và nhanh từ những sự chuyển biến của tình hình kinh tế, chính trị quốc tế: khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu (2008 – 2012), đại dịch Covid-19 (từ cuối năm 2019); vấn đề nợ công, vấn đề khủng hoảng tiền tệ của một số quốc gia ở một số khu vực trên thế giới...

Ngoài ra, trong thời gian gần đây, khoa học công nghệ có những bước phát triển vượt bậc, đem đến các cơ hội phát triển mới cho con người. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tạo ra những sản phẩm công nghệ mới, được ứng dụng nhiều trong đời sống xã hội cũng như trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo ra của cải vật chất đáp ứng nhu cầu của con người.

Trước những thách thức đặt ra đối với khu vực KTTN ở Việt Nam, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, bản thân các doanh nghiệp – nhân tố trực tiếp tham gia và chịu tác động của tiến trình hội nhập, phải nỗ lực tăng cường năng lực cạnh tranh, tạo cơ sở quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Hơn bao giờ hết, khu vực KTTN càng phải thể hiện được vị trí, vai trò của mình trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của từng doanh nghiệp nói riêng, của toàn bộ nền kinh tế nói chung.

##### **3.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam**

Sau 35 năm đổi mới toàn diện đất nước, trước hết là đổi mới về kinh tế, với chủ trương, chính sách đổi mới đúng đắn của Đảng và Nhà nước, nền kinh tế Việt Nam liên tục tăng trưởng với tốc độ rất nhanh, góp phần đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển và từng bước gia nhập vào hàng ngũ các nước đang phát triển có mức thu nhập trung bình, đẩy mạnh công

nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Khu vực tư nhân Việt Nam đã đóng góp ngày càng lớn và trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Chính trị, xã hội ổn định, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được quan tâm và có sự chuyển biến tích cực; tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh; đời sống mọi mặt của người dân không ngừng được cải thiện.

Mặt khác, khi kinh tế vĩ mô của Việt Nam cơ bản ổn định, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội không ngừng tăng lên. Chất lượng tăng trưởng kinh tế từng bước được cải thiện, cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch sang chiều sâu, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện đáng kể, tăng độ mở nền kinh tế và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), Việt Nam đã chủ động và tích cực tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là những Hiệp định thương mại thế hệ mới được ký kết trong thời gian gần đây: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam – EU (EVFTA).

Bên cạnh đó, do tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam tiềm ẩn nhiều rủi ro, nợ công tăng nhanh, tỉ lệ nợ xấu cao; sản xuất, kinh doanh tiếp tục gặp nhiều khó khăn; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định nhưng chưa vững chắc, quá trình cơ cấu lại nền kinh tế còn chậm, chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hoá, xã hội và môi trường. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những yếu tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Đặc biệt trong những năm 2020 - 2021, đại dịch Covid-19 bùng phát diện rộng trên phạm vi cả nước đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hầu hết các ngành, lĩnh vực; các hoạt động kinh tế, xã hội bị ngưng trệ; đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn.

### ***3.1.3. Chủ trương phát triển kinh tế tư nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam***

Trong giai đoạn này, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển KTTN nhằm từng bước đi tới hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, được thể hiện rõ hơn và tác động mạnh mẽ hơn đến sự phát triển của khu vực KTTN Việt Nam.

Hội nghị Trung ương 5 khóa XII (6/2017) ra Nghị quyết 10-NQ/TW về phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, xác định: “Phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là một yêu cầu khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài trong quá trình hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; là một phương sách quan trọng để giải phóng sức sản

xuất; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển”, “kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế” và chủ trương “khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hoá hoặc Nhà nước thoái vốn. Thúc đẩy phát triển mọi hình thức liên kết sản xuất, kinh doanh, cung cấp hàng hoá, dịch vụ theo mạng sản xuất, chuỗi giá trị thị trường giữa kinh tế tư nhân với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhằm tiếp nhận, chuyển giao, tạo sự lan toả rộng rãi về công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và mở rộng thị trường tiêu thụ” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), tr. 94, tr. 97).

Đại hội Đảng lần thứ XIII (1/2021), đặt mục tiêu: “Phấn đấu đến năm 2025 có khoảng 1,5 triệu doanh nghiệp hoạt động; tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP khoảng 55%” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2021.b), tr. 125 - 126), “phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp với tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt 60 – 65%” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2021.a), tr. 240).

### **3.2. Quá trình phát triển và khẳng định vị thế của kinh tế tư nhân trong những năm 2006 – 2021**

#### **3.2.1. Chính sách phát triển kinh tế tư nhân của Nhà nước**

Trong giai đoạn 2006 – 2021, một trong những chính sách của Nhà nước có tác động mạnh đến sự phát triển của khu vực KTTN là: Luật doanh nghiệp năm 2005 (có hiệu lực từ ngày 1/7/2006); Luật doanh nghiệp năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015); Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ năm 2017 (có hiệu lực từ ngày 01/1/2018). Sau khi Luật doanh nghiệp và Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hiệu lực, hàng loạt các văn bản hướng dẫn thi hành được bổ sung, sửa đổi: Nghị định 78/2015/NĐ-CP; Nghị định 81/2015/NĐ-CP; Nghị định 96/2015/NĐ-CP; Thông tư 127/2015/TT-BTC; Công văn 4211/BKHĐT-ĐKKD; Nghị định 80/2021/NĐ-CP.

Ngoài Hiến pháp, Luật và các văn bản nêu trên, trong giai đoạn này, để đẩy mạnh phát triển khu vực KTTN, Nhà nước đã có những điều chỉnh mạnh về chính sách, pháp luật với mục tiêu tạo môi trường thuận lợi, bình đẳng hỗ trợ cho khu vực KTTN phát triển: Chính sách đầu tư; Chính sách thuế; Chính sách đất đai; Chính sách vốn, tín dụng; Chính sách thương mại; Chính sách về lao động; Chính sách khoa học – công nghệ.

#### **3.2.2. Những thành tựu của kinh tế tư nhân trong giai đoạn 2006 – 2021**

*Thứ nhất*, tiếp tục có sự tăng trưởng không ngừng của hệ thống doanh nghiệp tư nhân. Tiếp nối đà tăng trưởng trong giai đoạn 1991 – 2005, sang giai đoạn 2006 – 2021, số lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước tiếp tục có xu hướng tăng. Đến năm 2020, số lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước đã tăng gấp hơn 20 lần sau 20 năm Luật doanh nghiệp

năm 2000 có hiệu lực, tăng gấp hơn 1.564 lần số doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh của năm 1991. Trong giai đoạn này, số lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước luôn chiếm tỷ lệ áp đảo so với hai khu vực doanh nghiệp còn lại và luôn có xu hướng tăng theo thời gian và tăng nhanh hơn so với giai đoạn 1991 – 2006. Bình quân mỗi năm trong giai đoạn này, doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước có 361.946 doanh nghiệp tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, chiếm 96% số lượng doanh nghiệp của cả nước, cao hơn gần 7 điểm % mức tỷ trọng bình quân của giai đoạn 1991 – 2005 là 89,4% (Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê).

*Thứ hai*, cũng như giai đoạn 1991 – 2005, khối doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước luôn phát triển mạnh mẽ nhất ở khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng. Mặt khác, ngay trong các vùng kinh tế này cũng có sự phát triển không đồng đều giữa các địa phương, khi số doanh nghiệp tập trung chủ yếu tại hai thành phố lớn, hai trung tâm kinh tế, chính trị của cả nước là Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

*Thứ ba*, cũng giống như giai đoạn 1991 – 2005, trong giai đoạn này, khối doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước tiếp tục có sự phát triển mạnh mẽ nhất trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; lĩnh vực xây dựng đứng thứ hai; thứ ba là lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo; trong khi phát triển yếu nhất trong lĩnh vực y tế và hoạt động trợ giúp xã hội. Như vậy, ngành nghề sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước vẫn có sự phân bố không đều suốt 30 năm Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân có hiệu lực (năm 1991), các ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn hơn so với các ngành sản xuất. Sở dĩ các loại hình KTTN tập trung chủ yếu vào lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng gia đình bởi đó là các ngành, lĩnh vực có thị trường lớn, đòi hỏi vốn đầu tư không nhiều, phù hợp với nguồn vốn còn hạn hẹp của phần đông các chủ doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN, khả năng quay vòng vốn nhanh, hạn chế được rủi ro...

*Thứ tư*, quy mô vốn và quy mô lao động của các doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước vẫn tiếp tục xu hướng tăng theo thời gian. Trong giai đoạn này, số lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước có quy mô vốn dưới 0,5 tỷ đồng có xu hướng thay đổi thất thường, số lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước có quy mô vốn từ 1 tỷ đến dưới 5 tỷ đồng có xu hướng giảm, trong khi đó số lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước có quy mô vốn từ 10 tỷ đến dưới 50 tỷ đồng có xu hướng tăng. Tuy vậy, nhìn chung khu vực kinh tế ngoài nhà nước vẫn chủ yếu là doanh nghiệp quy mô nhỏ. Số doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước có quy mô lao động dưới 5 người có xu hướng tăng mạnh. Tuy nhiên, số doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước có quy mô từ 500 lao động trở lên luôn

chiếm tỷ lệ rất thấp, luôn chiếm dưới 1% và tình trạng này thậm chí ngày càng tệ hơn.

*Thứ năm*, đến giai đoạn này bắt đầu hình thành một thể hệ doanh nghiệp mới so với giai đoạn trước, cùng với hệ thống kinh tế nhà nước tạo nên diện mạo của một nền kinh tế theo hướng hiện đại. Một số doanh nghiệp lớn thuộc khu vực kinh tế ngoài nhà nước xuất hiện sau quá trình tái cấu trúc để bảo đảm khả năng tài chính cũng như khả năng triển khai các hoạt động kinh doanh mới. Những doanh nghiệp sau quá trình tái cấu trúc không chỉ lớn hơn rất nhiều về quy mô vốn, quy mô lao động mà còn có lĩnh vực kinh doanh hết sức đa dạng, sử dụng công nghệ theo hướng ngày càng hiện đại nên đã có thể đứng ngang hàng và cạnh tranh trực tiếp với hệ thống của nhà nước, tiêu biểu như: Vingroup, VietJet Air, Hòa Phát, Techcombank, Thaco, Masan, Nova Group, FPT,...

### **3.3. Đóng góp của kinh tế tư nhân đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia trong giai đoạn 2006 – 2021**

#### **3.3.1. Đóng góp đối với sự phát triển kinh tế**

Về đóng góp vào tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP), trong giai đoạn 2006 – 2021, khu vực kinh tế ngoài nhà nước có mức đóng góp vào tăng trưởng GDP cho kinh tế của cả nước luôn đạt mức cao nhất so với hai khu vực còn lại là khu vực kinh tế nhà nước và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, vẫn theo đà tăng trưởng nhanh từ giai đoạn 1991 – 2005, tiếp tục góp phần rất lớn cho việc mở rộng quy mô nền kinh tế của đất nước. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước luôn đóng góp theo thời gian chiếm gần ½ vào GDP của toàn bộ nền kinh tế. Đây chính là cơ sở vững chắc để tiếp tục khẳng định vai trò không thể thiếu của khu vực KTTN trong nền kinh tế Việt Nam, đồng thời tiếp tục cần có những chính sách thích hợp để không ngừng khuyến khích phát triển khu vực kinh tế này.

Ngoài ra, trong giai đoạn 2006 – 2020, số lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng nhanh đã tăng thêm nguồn thu không nhỏ cho ngân sách Nhà nước. Đặc biệt từ năm 2017 đến năm 2020, doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước đã đóng góp cho ngân sách Nhà nước nhiều hơn so với doanh nghiệp khu vực kinh tế nhà nước và doanh nghiệp khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Năm 2020, đóng góp vào ngân sách Nhà nước của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước gấp hơn 40 lần so với năm 2000, trong khi mức đóng góp của doanh nghiệp khu vực kinh tế nhà nước tăng chỉ hơn 4 lần.

Kinh tế tư nhân tiếp tục góp phần đẩy mạnh việc huy động nguồn vốn để thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh: về nguồn vốn thu hút được vào quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp cả nước trong giai đoạn 2006 – 2021 tiếp tục xu hướng tăng; trong đó, có mức độ tăng trưởng nhanh nhất là

doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước, năm 2020 tăng gấp gần 32 lần so với năm 2006, doanh nghiệp khu vực kinh tế nhà nước tăng gấp khoảng 6 lần, doanh nghiệp khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng gấp khoảng 14 lần. Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước cũng có xu hướng tăng khá ấn tượng so với doanh nghiệp khu vực kinh tế nhà nước và doanh nghiệp khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Bình quân hàng năm trong giai đoạn 2006 – 2020, giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước luôn xếp ở vị trí cao hơn so với hai khu vực còn lại, với mức 3.535,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 41,3%. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của các khu vực kinh tế trong giai đoạn 2006 – 2021, cũng tiếp tục xu hướng tăng, trong đó tăng nhanh nhất là khu vực kinh tế ngoài nhà nước.

### **3.3.2. Đóng góp đối với sự phát triển xã hội**

Cũng như giai đoạn 1991 – 2005, sang giai đoạn 2006 – 2021, KTTN không chỉ đóng góp lớn vào tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, huy động vốn vào quá trình sản xuất, kinh doanh, mà còn tiếp tục góp phần giải quyết tốt nhiều vấn đề xã hội đặt ra trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế và quá trình chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; đặc biệt là giải quyết vấn đề lao động và việc làm cho người người dân đến tuổi lao động và những lao động trong khu vực nhà nước phải nghỉ việc do Chính phủ vẫn đang tiếp tục đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa, tái cấu trúc, giải thể các doanh nghiệp khu vực kinh tế nhà nước theo yêu cầu của thị trường.

## **CHƯƠNG 4**

### **NHẬN XÉT VỀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM TỪ 1991 ĐẾN 2021**

#### **4.1. Đặc điểm của kinh tế tư nhân ở Việt Nam**

##### **4.1.1. Kinh tế tư nhân phát triển năng động, từng bước khẳng định vị thế của mình trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN**

Trong giai đoạn 1991 - 2021, KTTN ở Việt Nam đã phát triển năng động, rộng khắp, cùng với những thành phần kinh tế khác, đã góp phần giải phóng lực lượng sản xuất, thúc đẩy phân công lao động xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, huy động các nguồn lực xã hội vào sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống nhân dân, tăng thu ngân sách Nhà nước, thực hiện các chủ trương xã hội hóa y tế, văn hóa, giáo dục... vì vậy đã từng bước vững chắc khẳng định được vị thế của mình trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

##### **4.1.2. Sự phát triển của kinh tế tư nhân ở Việt Nam phù hợp với thực tiễn Việt Nam**

Sau năm 1975, KTTN ở Việt Nam không còn được thừa nhận, bị “cải tạo”, “loại bỏ” khỏi nền kinh tế trên phạm vi cả nước. Chủ trương này không phù hợp với thực tiễn Việt Nam, làm cho kinh tế - xã hội Việt Nam sau năm 1975 rơi vào tình trạng khủng hoảng. Đại hội Đảng lần thứ VI (12/1989) đã chủ trương đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới kinh tế, khi đó quan điểm về KTTN được nhận thức lại, được tạo điều kiện để phát triển. Thực hiện chủ trương đổi mới toàn diện đất nước của Đại hội VI, tháng 3 năm 1989, Hội nghị Trung ương sáu khóa VI, nhấn mạnh: các hình thức KTTN (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân) vẫn cần thiết lâu dài cho nền kinh tế hàng hóa đi lên CNXH. Tháng 12 năm 1990, Quốc hội Việt Nam thông qua Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân (có hiệu lực từ ngày 15/4/1991). Năm 1999, Quốc hội thông qua Luật doanh nghiệp năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2006, năm 2015 và năm 2021). Năm 2001, Đại hội Đảng lần thứ IX, khẳng định mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam là kinh tế thị trường định hướng XHCN. Năm 2006, Đại hội Đảng lần thứ X xác định thành phần KTTN (bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân) là một trong sáu thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân. Đại hội lần thứ XI (1/2011) xác định: “kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), tr. 74). Đại hội Đảng lần thứ XIII (1/2021), xác định: “kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2021.a), tr. 129). Ngoài ra, trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI, Đảng có hai Nghị quyết chuyên đề đưa ra giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển KTTN: Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 18/3/2002 tại Hội nghị Trung ương năm (khóa IX), về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển KTTN; Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 tại Hội nghị Trung ương năm (khóa XII), về phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Về đóng góp vào tăng trưởng GDP của khu vực kinh tế ngoài nhà nước: năm 1995 là 102.468 tỷ đồng; năm 2000 là 212.879 tỷ đồng; năm 2010 là 926.928 tỷ đồng; năm 2020 là 2.694.087,2 tỷ đồng (Tổng cục Thống kê). Về nộp cho ngân sách Nhà nước của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước: năm 1991 là 51 tỷ đồng; năm 2000 là 6.048 tỷ đồng; năm 2010 là 70.023 tỷ đồng; năm 2020 là 247.104 tỷ đồng (Tổng cục Thống kê). Về huy động vốn cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước: năm 1991 là 952 tỷ đồng; năm 2000 là 98,3 nghìn tỷ đồng; năm 2010 là 5.451,7 nghìn tỷ đồng; năm 2020 là 24.204,6 nghìn tỷ đồng (Tổng cục Thống kê). Về giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước: năm 1991 là 273 tỷ đồng; năm 2000 là 33,9 nghìn tỷ đồng; năm 2010 là 2.129,7 nghìn tỷ đồng; năm 2019 là 9.324,1 nghìn tỷ đồng (Tổng cục Thống kê). Về giải quyết việc làm cho người

lao động của khu vực kinh tế ngoài nhà nước: năm 1991 là 26.998,9 nghìn người; năm 2000 là 32.358,6 nghìn người; năm 2010 là 42.370 nghìn người; năm 2020 là 44.777,4 nghìn người (Tổng cục Thống kê).

#### ***4.1.3. Kinh tế tư nhân có xu hướng tham gia hoạt động trong tất cả các lĩnh vực kinh doanh, công nghệ từ thấp đến cao ngày càng hiện đại, quy mô lớn và đa dạng***

Từ khi đổi mới toàn diện đến nay, khu vực kinh tế ngoài nhà nước ở Việt Nam có lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đa dạng trong tất cả các lĩnh vực: lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng gia đình; lĩnh vực công nghiệp chế biến; lĩnh vực xây dựng; lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản... Năm 2001, số doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước hoạt động trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng gia đình chiếm 40,25% doanh nghiệp cả nước, lĩnh vực công nghiệp chế biến chiếm 24%, lĩnh vực xây dựng chiếm 11,06%, lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 6,68%; năm 2020, số doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước hoạt động trong lĩnh vực bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác chiếm 34,27% doanh nghiệp cả nước; lĩnh vực công nghiệp chế biến chiếm 15,7%; lĩnh vực xây dựng chiếm 14,69%; lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 1,4% (Tổng cục Thống kê).

Ngoài ra, các doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước cũng có quy mô hết sức đa dạng, từ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đến các doanh nghiệp lớn, cả về quy mô vốn lẫn quy mô lao động.

Về lý luận, các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường, không phụ thuộc thành phần kinh tế, nguồn gốc sở hữu, trong tất cả các ngành sẽ phải trải qua các giai đoạn phát triển khác nhau của từng doanh nghiệp và của từng ngành trong một mối tương quan chặt chẽ với sự phát triển của một nền kinh tế. Một doanh nghiệp sẽ phải trải qua các giai đoạn từ hình thành, tăng trưởng, phát triển cho đến trưởng thành và bão hòa. Để bảo đảm sự tồn tại và hiệu quả hoạt động của mình, các doanh nghiệp sẽ phải thay đổi để thích ứng với giai đoạn phát triển của mình. Tất yếu sẽ dẫn đến các hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp qua hình thức này hay hình thức khác. Bên cạnh đó, để không tuột mất những cơ hội kinh doanh, các doanh nghiệp có thể phải sắp xếp lại cơ cấu sở hữu và cơ cấu quản lý của mình để đảm bảo khả năng tài chính và khả năng triển khai các hoạt động kinh doanh mới. Với tầm nhìn sâu rộng, nhiều doanh nghiệp thường chủ động hoàn thiện mình thông qua các chiến lược tái cấu trúc toàn diện hoặc từng phần. Việc tái cấu trúc với động cơ chủ động nâng cao năng lực cạnh tranh và hoàn thiện doanh nghiệp tập trung nhiều hơn vào chiều sâu và bản chất hơn là mang tính “làm đẹp”. Đây là nhu cầu tự thân trong tái cấu trúc doanh nghiệp, đồng thời được thực hiện trong

quá trình phát triển của doanh nghiệp. Trong thời gian gần đây, kết quả của quá trình tái cấu trúc để phát triển này là việc ra đời của các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn phát triển theo xu hướng công nghệ ngày càng hiện đại có quy mô ngày càng lớn. Tiêu biểu cho các doanh nghiệp tư nhân lớn thuộc khu vực kinh tế ngoài nhà nước ở Việt Nam thời gian gần đây: Vingroup, FPT, Hòa Phát.

#### ***4.1.4. Kinh tế tư nhân phát triển làm bộc lộ những mặt trái của cơ chế thị trường***

Do luật pháp Việt Nam còn những kẽ hở và với động cơ tối đa hóa lợi nhuận, khi khu vực KTTN phát triển mạnh cũng là lúc những mặt trái của cơ chế thị trường được bộc lộ. Để có được lợi nhuận cao nhất trong quá trình sản xuất kinh doanh các chủ doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước đã sử dụng những thủ đoạn: cấu kết với các quan chức nhà nước tha hóa biến chất, thực hiện các hành vi hối lộ, vận động hành lang các cơ quan quản lý nhà nước nhằm tạo những điều kiện kinh doanh có lợi cho mình, nhằm đạt được các hợp đồng; trốn thuế, lách thuế, lậu thuế; buôn lậu, sản xuất kinh doanh hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng; không bảo đảm quyền lợi chính đáng, hợp pháp của người lao động... Vì vậy, trong thời gian qua ở Việt Nam có những trường hợp doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN năm trước còn là công ty, doanh nghiệp, tập đoàn KTTN lớn mạnh, đứng đầu các bảng xếp hạng, nhưng chỉ vài năm sau đã lọt bảng xếp hạng hoặc không còn tồn tại do vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

### **4.2. Vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế Việt Nam**

#### ***4.2.1. Có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội***

Đóng góp vào tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) của nền kinh tế. Năm 1991, khu vực kinh tế ngoài nhà nước đóng góp vào GDP của nền kinh tế mới ở mức 52.871 tỷ đồng; đến năm 2020, khu vực kinh tế ngoài nhà nước đã đóng góp vào GDP của nền kinh tế lên tới 2.694.087,22 tỷ đồng, chiếm 43% GDP của toàn nền kinh tế (Tổng cục Thống kê).

Đối với nộp ngân sách nhà nước, với sự lớn mạnh không ngừng của khu vực KTTN trong 30 năm kể từ khi Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân có hiệu lực đã tạo thêm nguồn thu không nhỏ cho ngân sách nhà nước. Năm 2020, đóng góp vào ngân sách Nhà nước của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước đã tăng lên tới 247.104 tỷ đồng, chiếm 41% tỷ trọng của khu vực doanh nghiệp cả nước (Tổng cục Thống kê).

Góp phần rất lớn đối với quá trình huy động nguồn vốn nhân rồi vào sản xuất kinh doanh trong của kinh tế, làm cho kinh tế Việt Nam liên tục tăng trưởng khá nhanh. Chỉ khoảng 20 năm được khuyến khích và tạo điều kiện phát triển, năm 2010, vốn cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước đã cao hơn so với vốn sản xuất kinh doanh

của doanh nghiệp khu vực kinh tế nhà nước và doanh nghiệp khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; đến năm 2020, vốn cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước đã cao hơn rất nhiều so với hai khu vực doanh nghiệp còn lại.

Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước thuộc KTTN cũng luôn có xu hướng tăng nhanh theo thời gian. Năm 2020 giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước gấp hơn khoảng 3 lần so với hai khu vực doanh nghiệp còn lại.

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của khu vực kinh tế ngoài nhà nước trong giai đoạn này cũng có xu hướng tăng dần theo thời gian. Năm 1991, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của khu vực kinh tế ngoài nhà nước là 6.430 tỷ đồng, chiếm 38% vốn phát triển của toàn nền kinh tế; đến năm 2020, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của khu vực kinh tế ngoài nhà nước đã tăng lên tới 972.230 tỷ đồng, chiếm 45% vốn phát triển của toàn nền kinh tế (Tổng cục Thống kê).

Khu vực KTTN phát triển năng động cũng đã góp phần không nhỏ trong giải quyết vấn đề lao động và việc làm khi đất nước chuyển đổi nền kinh tế từ tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Năm 1991, số lao động và việc làm được tạo ra bởi khu vực kinh tế ngoài nhà nước là 26.998,8 nghìn lao động và việc làm, chiếm 90% lao động và việc làm của cả nước; đến năm 2020, số lao động và việc làm được tạo ra bởi khu vực kinh tế ngoài nhà nước là 44.777,4 nghìn lao động và việc làm, chiếm 83% lao động và việc làm của cả nước (Hà Huy Thành (2002) và Tổng cục Thống kê).

#### ***4.2.2. Kinh tế tư nhân góp phần thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế***

Từ lý luận và thực tiễn chuyển đổi nền kinh tế Việt Nam thời gian qua, KTTN phát triển là nhân tố chủ yếu thúc đẩy sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung bao cấp, khi KTTN bị coi là “đối tượng” của công cuộc cải tạo XHCN, các phạm trù kinh tế: giá cả, thị trường, cạnh tranh... không được thừa nhận, không cần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm cũng không được đặt ra. Sang thời kỳ đổi mới, với chủ trương chuyển đổi nền kinh tế, khi chấp nhận kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế (trong đó có KTTN), cạnh tranh lúc này là để tồn tại, phát triển là yêu cầu khách quan đối với các chủ thể trong nền kinh tế. Trong điều kiện đó, nhân tố chủ yếu thúc đẩy cạnh tranh, góp phần cải thiện chất lượng phát triển chính là khu vực KTTN.

KTTN còn tồn tại và phát triển trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam là một tất yếu khách quan phù hợp với quy luật và thực tiễn ở Việt Nam. KTTN là bộ phận cấu thành quan trọng bậc nhất không thể thiếu trong nền kinh tế quốc dân - kinh tế thị trường định hướng XHCN. KTTN không phải là

bộ phận đối lập với CNXH, nó tồn tại đan xen với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, bổ sung cho sự phát triển của các thành phần kinh tế này, đồng thời tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN như khẳng định của Đại hội lần thứ XIII của Đảng (2021): “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế...; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2021.a), tr.128-129).

### **4.3. Một số hạn chế và vấn đề đặt ra về cơ chế, chính sách trong việc phát triển kinh tế tư nhân**

#### **4.3.1. Một số hạn chế**

*4.3.1.1. Phần lớn doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước vẫn là doanh nghiệp nhỏ và vừa, trình độ công nghệ thấp, dễ gặp khó khăn*

Mặc dù kể từ khi Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp có hiệu lực (1991) đã tạo điều kiện cho số lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước có sự tăng trưởng rất nhanh, tuy nhiên, đến những năm cuối của thập kỷ thứ hai thế kỷ XXI, phần lớn các cơ sở KTTN đều có quy mô nhỏ, thậm chí siêu nhỏ. Số lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước lớn về quy mô vốn, đặc biệt là lớn quy mô lao động tăng rất chậm trong thời gian qua. Ngoài ra, trình độ công nghệ của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước còn thấp. Những vấn đề này làm cho năng lực và sức cạnh tranh của khu vực KTTN bị hạn chế, dễ bị tổn thương trong cơ chế thị trường. Mặt khác, ngành nghề sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước có sự phân bố không đều: các ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn hơn so với các ngành sản xuất và tập trung phần lớn ở hai vùng kinh tế trọng điểm: vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ, ngay cả khi các doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước tập trung ở hai vùng kinh tế này, cũng có sự phân bố không đồng đều khi tập trung chủ yếu ở hai thành phố lớn: Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

*4.3.1.2. Thu nhập bình quân của người lao động chưa được cải thiện nhiều và không đồng đều*

Mặc dù số lao động và việc làm được tạo ra bởi khu vực kinh tế ngoài nhà nước luôn chiếm tỷ lệ lớn nhất, tuy vậy, cho đến hết thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, chất lượng nguồn nhân lực lại không đồng đều, đại bộ phận người lao động trong khu vực kinh tế ngoài nhà nước có trình độ tay nghề thấp, chưa được đào tạo một cách bài bản có hệ thống; không chỉ người lao động có trình độ thấp, bộ phận chủ doanh nghiệp tư nhân trình độ cũng chưa cao, chỉ có những doanh nghiệp tư nhân lớn mới thực sự quan tâm đến trình độ của bộ phận lãnh đạo của doanh nghiệp. Các chủ thể khu vực kinh tế ngoài nhà nước cũng chưa thực sự chú trọng đầu tư cho đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu nhân lực của mỗi cơ sở lại luôn có sự biến động, không đảm bảo tính

ổn định. Do hạn chế về công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực dẫn đến hiệu suất sử dụng lao động của khu vực KTTN không cao, thậm chí rất thấp, thu nhập bình quân của người lao động doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước luôn thấp nhất so với doanh nghiệp khu vực kinh tế nhà nước và doanh nghiệp khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời qua thời gian sự cải thiện theo hướng tăng vẫn chưa tích cực.

#### **4.3.2. Một số vấn đề đặt ra về cơ chế, chính sách trong việc phát triển kinh tế tư nhân**

*Thứ nhất*, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế kinh tế thị trường định hướng XHCN, trước hết là tăng cường nhận thức về chức năng của Nhà nước và thị trường, bởi có hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN mới có thể tạo lập được môi trường pháp lý vững chắc cho KTTN phát triển bền vững.

*Thứ hai*, để tiếp tục phát triển khu vực KTTN trong cơ chế đặc thù, cùng với thực tiễn của Việt Nam, cần nhanh nhanh đẩy mạnh việc thiết lập nền quản trị quốc gia hiện đại, thực hiện chính phủ liêm chính, kiến tạo và phục vụ phát triển cần đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử để đi đến phát triển Chính phủ số.

*Thứ ba*, để tiếp tục khuyến khích khu vực KTTN tham gia đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội và giữ vai trò động lực quan trọng không thể thiếu nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, Chính phủ Việt Nam phải đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện chính sách công nghiệp quốc gia đặt trọng tâm vào phát triển KTTN; hỗ trợ, khuyến khích áp dụng công nghệ và nuôi dưỡng đổi mới sáng tạo đối với khu vực KTTN.

*Thứ tư*, phát triển văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, hình thành một đội ngũ doanh nhân có trách nhiệm với xã hội, chấp nhận những chuẩn mực trong sạch, minh bạch, nói “không” với nạn hối lộ, tham nhũng trong kinh doanh, tức là phải nâng cao đạo đức kinh doanh, văn hoá kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nhân.

### **KẾT LUẬN**

Kinh tế là cơ sở hạ tầng của một quốc gia. Trong lịch sử nhân loại đến nay, mô hình kinh tế có nhiều thành tựu phát triển nhất chính là kinh tế thị trường, trong mô hình kinh tế này, KTTN có vai trò chính giúp mô hình này đạt được mục tiêu của nó. Vì vậy, với tầm quan trọng đặc biệt của việc phát triển KTTN, nên đến nay vấn đề phát triển KTTN đã được nghiên cứu rất nhiều. Ở Việt Nam, việc nghiên cứu về khu vực KTTN được quan tâm nhiều hơn khi Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đổi mới toàn diện đất nước, chuyển nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN, nghiên cứu KTTN trong một kiến trúc thượng

tăng khá mới và đặc biệt.

Sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đại hội Đảng lần thứ VI (1986), giai đoạn 1991 – 2021, bối cảnh thế giới có những tác động không nhỏ đến sự phát triển của khu vực KTTN ở Việt Nam: xu thế hòa bình và hợp tác, toàn cầu hóa nền kinh tế diễn ra đã tạo điều kiện để các quốc gia trên thế giới xích lại gần nhau hơn; các cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực và toàn cầu, nợ công tăng cao ở một số quốc gia, bảo hộ mậu dịch gia tăng đã dẫn đến cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc, đại dịch Covid-19... Ở trong nước, sau thời kỳ ngưng trệ do thực hiện mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, nền kinh tế Việt Nam lại có cơ hội phát triển mạnh mẽ kể từ khi có đường lối đổi mới toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ những năm 1990 của thế kỷ XX, kinh tế Việt Nam liên tục có sự tăng trưởng đầy ấn tượng, tình hình chính trị, xã hội ổn định, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện; sau 10 năm đổi mới, Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội và nhanh chóng gia nhập vào hàng ngũ các nước đang phát triển có thu nhập trung bình; cùng với đó là quá trình chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã được nhiều kết quả tích cực, Việt Nam đã gia nhập nhiều tổ chức kinh tế khu vực, quốc tế, đồng thời ký kết và tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là những hiệp định thương mại tự do thế hệ mới được ký kết từ những năm giữa thập kỷ thứ hai của thế kỷ XXI đến nay. Những thành quả của công cuộc đổi mới về kinh tế, chính trị, xã hội mà Việt Nam đạt được trong giai đoạn 1991 – 2021, không thể thiếu những đóng góp của khu vực KTTN, khu vực kinh tế này đã từng bước khẳng định vững chắc vị trí, vai trò động lực quan trọng không thể thiếu trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Bên cạnh đó, quá trình chuyển đổi nền kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn 1991 – 2021, cũng cho thấy rằng những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vẫn luôn giữ vai trò quyết định cho sự phát triển của khu vực KTTN. Nhờ sự dẫn dắt và điều tiết của Nhà nước XHCN, sự phát triển của KTTN đã không mâu thuẫn với mục tiêu xây dựng CNXH trong thời kỳ quá độ, trái lại nó đã trở thành một bộ phận hữu cơ quan trọng không thể thiếu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Mọi thiên kiến đối với sự phát triển của KTTN đều không phù hợp và làm cản trở việc phát huy tối đa nội lực của đất nước trong việc hiện thực hóa mục tiêu “sớm đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp hóa theo hướng hiện đại”. Do vậy, để tiếp tục đường lối đổi mới toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam, tại Đại hội Đảng lần thứ XIII (1/2021), Đảng chủ trương tạo điều kiện tốt nhất để phát triển toàn diện KTTN trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN: “Tạo mọi điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, đa dạng cả về quy mô, chất lượng. Hình thành, phát triển những tập đoàn kinh tế tư

nhân lớn trong nước, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế gắn với xây dựng thương hiệu doanh nghiệp. Xây dựng và phát triển các định chế tài chính hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ; hỗ trợ chuyển đổi hộ sản xuất, kinh doanh thành doanh nghiệp. Điều chỉnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, mang tầm quốc gia và thể hiện tính liên ngành, liên vùng; xây dựng chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp Việt Nam”, Đại hội cũng đặt mục tiêu: “Phân đấu đến năm 2025 có khoảng 1,5 triệu doanh nghiệp hoạt động; tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP khoảng 55%” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2021.b), tr. 125 - 126), “phân đấu đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp với tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt 60 – 65%” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2021.a), tr. 240).

Trong 30 năm qua, kể từ khi Luật doanh nghiệp tư nhân và Luật công ty có hiệu lực (15/4/1991) đến nay, bối cảnh thế giới và trong nước, đặc biệt là chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam đã mở đường cho KTTN phát triển mạnh mẽ. KTTN không ngừng lớn mạnh về mọi mặt, từ chỗ không có chỗ đứng trong nền kinh tế - xã hội, khi cơ chế cho phép, nguồn lực trong dân đã nhanh chóng được giải phóng, họ tham gia tích cực và năng động vào nền kinh tế, bắt đầu từ chỗ chủ yếu chỉ có các hộ kinh doanh cá thể, nhỏ lẻ, ít vốn, tập trung tại các trung tâm kinh tế lớn, đến nay, Việt Nam đã có những tập đoàn KTTN, doanh nghiệp tư nhân theo đúng nghĩa; một số ít doanh nghiệp tư nhân đã trở thành các tập đoàn KTTN lớn ở trong nước và bước đầu mở rộng ra thị trường quốc tế, sánh ngang cùng với khối kinh tế khu vực nhà nước. Từ chỗ chủ yếu hoạt động trong khu vực phi chính thức, một bộ phận KTTN đã chuyển đổi sang hoạt động trong khu vực chính thức của nền kinh tế, theo các quy định của pháp luật, phạm vi kinh doanh của khu vực KTTN ở Việt Nam đã rộng khắp, ở mọi ngành mà pháp luật không cấm, trong đó có những ngành công nghệ cao, cho dù số lượng chưa thật nhiều.

Trong 30 năm qua (1991 - 2021), sự phát triển năng động không ngừng của KTTN đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, từng bước vững chắc khẳng định vị thế của mình trong nền kinh tế quốc dân, trở thành động lực quan trọng không thể thiếu cho sự phát triển của đất nước như khẳng định của Đại hội Đảng lần thứ XIII (1/2021): “Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2021.a), tr.210), đồng thời xã hội đã có những nhìn nhận đúng hơn, tôn vinh những doanh nhân trên thương trường. Số lượng doanh nghiệp, quy mô vốn và quy mô lao động của doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất, tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động kinh tế; đóng góp ngày càng lớn vào tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa; đóng góp lớn trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội; luôn chiếm ưu thế rất lớn trong

tạo việc làm cho xã hội; là động lực thúc đẩy cải cách, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, sự phát triển năng động của KTTN trong thực tiễn thời gian qua cũng đã góp phần giúp Đảng và Nhà nước Việt Nam từng bước tiếp tục hoàn thiện, phát triển quan điểm, chủ trương, chính sách và bổ sung lí luận về nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Những thành tựu đạt được của khu vực KTTN cùng với các khu vực kinh tế khác đã góp phần vào việc từng bước hiện thực hóa mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là bằng chứng thực tế chứng minh những bước đi đầu tiên của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo là đúng đắn, hợp quy luật và điều kiện của Việt Nam.

Tóm lại, với những đóng góp ngày một tăng cho công cuộc đổi mới toàn diện đất nước của khu vực KTTN ở Việt Nam trong giai đoạn 1991 – 2021, đặc biệt để góp phần thực hiện được mục tiêu “đến năm 2045 Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao” của Đại hội Đảng lần thứ XIII (1/2021), theo chúng tôi, trong thời gian tới khu vực KTTN ở Việt Nam sẽ nhanh chóng vượt qua được vai trò “một động lực quan trọng” của nền kinh tế và vươn tới vai trò “động lực chủ yếu” của nền kinh tế trong quá trình phát triển toàn diện đất nước, bởi thực tế phát triển của khu vực KTTN ở Việt Nam thời gian qua, cũng như trong lịch sử phát triển của các quốc gia để trở thành nước công nghiệp hiện đại, phát triển, thu nhập cao đều cho thấy một điểm chung là có vai trò then chốt của khu vực KTTN, với sự hỗ trợ của chính phủ thông qua các chính sách thông thoáng, khu vực KTTN tiên phong, năng động phát triển, tiếp nhận các công nghệ hiện đại, tận dụng các cơ hội và phòng tránh các nguy cơ, phát triển nguồn nhân lực, sử dụng các phương pháp quản lý tiên tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tuy vậy, bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình phát triển của KTTN ở Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021 cũng để lại những tác động tiêu cực, những hạn chế nhất định. Khu vực KTTN ở Việt Nam phát triển chưa đúng mức với vai trò đầu tàu, là nền tảng đảm bảo sự phát triển vững mạnh của nền kinh tế quốc gia; tốc độ tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có; mặc dù số lượng nhiều, nhưng quy mô sản xuất còn nhỏ bé, manh mún, phân bố không đồng đều, doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước tập trung nhiều tại một số trung tâm kinh tế - chính trị lớn của đất nước; năng suất lao động chưa cao, thiếu nhiều điều kiện nên ứng dụng chưa nhiều những thành tựu của khoa học kỹ thuật hiện đại vào quá trình quản lý cũng như sản xuất kinh doanh; sản phẩm sản xuất ra có chất lượng chưa cao, mẫu mã còn nghèo nàn, sức cạnh tranh kém ở cả thị trường trong nước và thị trường ngoài

nước; khi KTTN phát triển cũng đã làm bộc lộ ngày càng rõ những tiêu cực của kinh tế thị trường, vì lợi nhuận, một số doanh nghiệp đã lợi dụng những chỗ chưa hoàn thiện của pháp luật để câu kết với một số cán bộ bị tha hóa biến chất trong bộ máy Nhà nước để tham nhũng, trục lợi, tác động tiêu cực đối với kinh tế, chính trị, xã hội. Những yếu kém từ bản thân nội lực của khu vực kinh tế này: mặc dù tạo được nhiều việc làm, song vẫn chưa thể hiện được vai trò trong việc tạo ra việc làm có chất lượng cho xã hội, quy mô lao động của doanh nghiệp có xu hướng nhỏ dần, số lượng doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn rất thấp, số lượng doanh nghiệp ngừng hoạt động và giải thể ngày càng tăng. Đại hội Đảng lần thứ XIII (2021) đã tổng kết: “Phần lớn doanh nghiệp tư nhân có quy mô nhỏ, trình độ công nghệ thấp, năng lực tài chính và quản trị yếu” (Đảng Cộng sản Việt Nam (2021.a), tr.81).

Đề khu vực KTTN Việt Nam tiếp tục phát triển mạnh mẽ và năng động trong thời gian tới, sớm hiện thực hóa được mục tiêu “giữ vai trò động lực quan trọng nhất” trong nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng XHCN, Việt Nam cần tiếp tục: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, trước hết là tăng cường nhận thức về chức năng của Nhà nước và thị trường; Đẩy mạnh việc thiết lập nền quản trị quốc gia hiện đại, thực hiện Chính phủ liên chính, kiến tạo và phục vụ phát triển, đẩy mạnh xây dựng Chính phủ số; Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện chính sách công nghiệp quốc gia đặt trọng tâm vào phát triển KTTN, khuyến khích áp dụng công nghệ và nuôi dưỡng đổi mới sáng tạo đối với khu vực KTTN; Đẩy mạnh phát triển văn hóa DN lành mạnh, xây dựng đội ngũ doanh nhân có trách nhiệm với xã hội, nói “không” với nạn hối lộ, tham nhũng trong kinh doanh. Mặt khác, bản thân khu vực KTTN, đặc biệt là các doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước, cũng cần năng động hơn nữa, chủ động đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng những thành tựu kỹ thuật mới, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực quản trị, trước hết là đội ngũ chủ các doanh nghiệp tư nhân, nâng cao trình độ tay nghề của người lao động.

KTTN và phát triển KTTN là tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường, dù là kinh tế thị trường sơ khai, đang phát triển hay đã phát triển. Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta, phát triển khu vực KTTN cũng là yếu tố có tính quy luật. Bên cạnh việc khẳng định vai trò động lực quan trọng không thể thiếu của khu vực KTTN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời gian qua, vấn đề quan trọng hơn trong thời gian tới là cần tiếp tục xác lập vai trò đó một cách đúng đắn, hợp lý, đồng thời cần có những giải pháp để KTTN tiếp tục phát huy cao độ những ưu điểm, hạn chế, khắc phục những nhược điểm cố hữu, phục vụ đắc lực nhất cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.